



shū diàn

书店

Noun · bookstore

Example Sentences

wǒ jīng cháng qù nà jiā shū diàn
我经常去那家书店。

I often go to that bookstore.

wǒ jīng cháng qù shū diàn mǎi shū
我经常去书店买书。

I often go to the bookstore to buy books.

shū diàn lǐ yǒu hěn duō xīn shū
书店里有很多新书。

There are many new books in the bookstore.

Trace each character, then write the word on your own.

书	书	书	书	书	书	书				
店	店	店	店	店	店	店	店	店	店	店